TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH SƠN** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 8 - 2022
V/v: "Ly hôn, tr/chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Khánh

2. Nguyễn Thành Công Hào

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1985 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn ĐN 1, xã Nh S, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn D sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P M, thành phố PR - TC, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 72 ngày 31/7/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình bà tại phường P M đến năm 2013, sau đó vợ chồng chuyển về thôn ĐN 1, xã Nh S, huyện NS, tỉnh Ninh Thuận sinh sống đến năm 2020 thì ly thân cho đến nay.

Cuộc sống hôn nhân hiện nay không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông D hay đánh đập bà, ghen tuông vô cớ. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Lê Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung. Tên các con là: Lê Ngọc Mỹ D, sinh ngày 08/02/2004; Lê Ngọc Mỹ T sinh ngày 10/3/2012; Lê Ngọc Mỹ H, sinh ngày 13/8/2014. Hiện nay, cháu Lê Ngọc Mỹ D đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Trường hợp được Tòa án giải quyết ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Đó là: Lê Ngọc Mỹ T và Lê Ngọc Mỹ H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay bà làm nhân viên của Công ty quảng cáo KT, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng. Còn ông D làm nghề gì, thu nhập hàng tháng bao nhiêu thì bà không biết. Bà không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại bản tự khai 10 tháng 02 năm 2022, bị đơn là ông Lê Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Ông D thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Hồng L. Ông trình bày: Vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì cả. Nay bà L nộp đơn xin ly hôn thì ông không đồng ý. Ông xin Tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình. Trường hợp, Tòa án giải quyết ly hôn thì ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung. Đó là cháu Lê Ngọc Mỹ T.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng L chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn bị đơn là ông Lê Văn D, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D không chấp hành, vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng. Yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng L.

- Giao 02 con chung là cháu Lê Ngọc Mỹ T và Lê Ngọc Mỹ H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Không buộc ông D cấp dưỡng nuôi con, do bà L không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn D; Bà L yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn D là bị đơn; Trú tại thôn ĐN 1, xã Nh S, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Mặc dù ngày 10/02/2022, ông Lê Văn D có ý kiến tại Bản tự khai nhưng sau đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo hòa giải và giấy báo lần thứ hai để ông D tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Lê Văn D là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau nữa, vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm nay. Nguyên nhân là do ông D ghen tuông vô cớ; ông D nhiều lần xúc phạm bà L; nhiều lần nhắn tin đe dọa tính mạng bà L. Theo Biên bản xác minh ngày 23/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Nh S, thể hiện như sau: *"Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Lê Văn D sau một thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông D và bà L đã ly thân hơn 02 năm nay"*.

Xét thấy: Tòa án đã thông báo về phiên hòa giải và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông D tham gia phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Chứng tỏ ông D đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông với bà L. Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, nên yêu cầu ly hôn của bà L được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tên các con là Lê Ngọc Mỹ T, sinh ngày 10/3/2012 và Lê Ngọc Mỹ H, sinh ngày 13/8/2014. Đối chiếu công việc và mức thu nhập bình quân hiện nay của bà Lan khoảng 6.000.000 đồng/tháng; cũng như nguyện vọng của 02

cháu thể hiện tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2022, thì hai cháu đều muốn được tiếp tục sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng: Bà L có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng 02 con, đảm bảo được sự phát triển của hai cháu; phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của bà L. Giao cho bà L là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu H.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong vụ án này, bà L không yêu cầu ông D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng L. Bà Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn ông Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng L là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, tên các con là Lê Ngọc Mỹ T, sinh ngày 10/3/2012 và Lê Ngọc Mỹ H, sinh ngày 13/8/2014.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Văn D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, do bà Nguyễn Thị Hồng L không yêu cầu.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003006 ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Bà Nguyễn Thị Hồng L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn; Quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt; Quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS H. Ninh Sơn;
- UBND phường Phước Mỹ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Xuân